

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 41

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11.1 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61280353/19548843

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.761.567.645	2.760.454.724
110	I. Tiền	4	1.369.843.123	144.092.732
111	1. Tiền		1.369.843.123	144.092.732
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.352.910.023	2.612.035.069
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	205.275.962	75.936.361
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	249.701.455	7.405.264
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	23	305.159.097	611.768.955
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	592.773.509	1.916.924.489
140	III. Hàng tồn kho	8	34.317.524	2.514.356
141	1. Hàng tồn kho		34.590.124	2.786.956
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(272.600)	(272.600)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.496.975	1.812.567
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		561.075	540.242
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	3.650.069	986.494
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.013.994.278	16.658.835.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.534.219.784	3.874.467.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	23	4.590.311.719	3.853.343.420
216	2. Phải thu dài hạn khác	23	943.908.065	21.124.457
220	II. Tài sản cố định		42.096.233	40.661.481
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	14.674.163	10.247.913
222	Nguyên giá		34.232.057	28.256.563
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.557.894)	(18.008.650)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	27.422.070	30.413.568
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.775.115)	(17.783.617)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	11.436.697.073	12.743.162.129
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.188.437.485	12.563.586.935
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(37.745.048)	(106.429.442)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		981.188	544.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		981.188	544.241
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.775.561.923	19.419.290.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.651.423.117	9.391.911.447
310	I. Nợ ngắn hạn		1.368.918.860	1.124.466.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	244.200.391	72.458.084
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23	73.266.261	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	147.260	229.158
314	4. Phải trả người lao động		2.893.133	2.647.623
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	22.674.625	49.257.238
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	331.380.171	366.505.359
320	7. Vay ngắn hạn	16	694.357.019	633.368.773
330	II. Nợ dài hạn		8.282.504.257	8.267.445.212
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	13	-	62.765.852
337	2. Phải trả dài hạn khác	14	390.267.967	90.503.476
338	3. Vay dài hạn	16	7.892.236.290	8.114.175.884
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.124.138.806	10.027.379.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	10.124.138.806	10.027.379.005
411	1. Vốn cổ phần		7.671.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.388.149.046	1.291.389.245
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.291.389.245	1.185.386.411
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		96.759.801	106.002.834
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.775.561.923	19.419.290.452



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	505.886.717	39.961.698
11	2. Giá vốn hàng bán		(371.886.486)	(36.012.861)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		134.000.231	3.948.837
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	287.789.624	318.835.232
22	5. Chi phí tài chính	19	(287.477.423)	(283.995.681)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(304.956.043)	(266.161.431)
25	6. Chi phí bán hàng	20	(26.330.087)	(2.152.455)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(12.485.886)	(12.025.057)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95.496.459	24.610.876
31	9. Thu nhập khác	21	3.149.646	824.156
32	10. Chi phí khác	21	(1.886.304)	(8.102.576)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		1.263.342	(7.278.420)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		96.759.801	17.332.456
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		96.759.801	17.332.456



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		96.759.801	17.332.456
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	4.866.771	4.761.990
03	Các khoản dự phòng		(68.684.394)	14.817.542
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		75.099	2.271.901
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(242.595.918)	(318.835.232)
06	Chi phí lãi vay		309.339.345	266.161.431
08	Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		99.760.704	(13.489.912)
09	Tăng các khoản phải thu		(372.887.838)	(38.630.639)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(31.803.168)	114.738
11	Tăng các khoản phải trả		260.191.531	7.242.715
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(457.780)	260.362
14	Tiền lãi vay đã trả		(147.208.637)	(19.444.210)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(192.405.188)	(63.946.946)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(12.394.903)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		268.624	-
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		-	(300.000.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.730.217.525)
26	Tiền thu hồi bán công ty con		1.330.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		137.342	371.908
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng) vào hoạt động đầu tư		1.318.011.063	(2.029.845.617)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay, mượn	16	901.790.189	742.391.940
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn	16	(801.632.982)	(300.770.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		100.157.207	2.093.621.940
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.225.763.082	(170.623)
60	Tiền đầu kỳ		144.092.732	572.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.691)	-
70	Tiền cuối kỳ	4	1.369.843.123	402.357



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Đắc Lắc, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,70
(13) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 234 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 68).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Chương trình phần mềm	5 – 8 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	104.760	138.078
Tiền gửi ngân hàng	1.369.738.363	143.954.654
TỔNG CỘNG	1.369.843.123	144.092.732

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng khác	161.356.361	30.858.935
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	88.459.515	8.512.668
- Khách hàng khác	72.896.846	22.346.267
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)	43.919.601	45.077.426
TỔNG CỘNG	205.275.962	75.936.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>)	241.033.360	3.805.424
Trả trước cho người bán khác	8.668.095	3.599.840
TỔNG CỘNG	249.701.455	7.405.264

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu lãi cho vay	459.694.317	1.790.227.345
Thanh toán hộ	22.676.097	21.076.098
Khác	110.403.095	105.621.046
TỔNG CỘNG	592.773.509	1.916.924.489
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	581.964.916	1.915.427.244
<i>Phải thu từ bên khác</i>	10.808.593	1.497.245

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Hàng hóa	33.672.807	2.414.654
Nguyên vật liệu	83.282	73.339
Công cụ, dụng cụ	834.035	298.963
TỔNG CỘNG	34.590.124	2.786.956
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(272.600)	(272.600)
GIÁ TRỊ THUẦN	34.317.524	2.514.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.756.830	17.006.391	5.078.185	415.157	28.256.563
Mua mới	4.420.218	458.110	1.766.111	-	6.644.439
Thanh lý	-	-	(668.945)	-	(668.945)
Phân loại lại	-	92.972	-	(92.972)	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>10.177.048</u>	<u>17.557.473</u>	<u>6.175.351</u>	<u>322.185</u>	<u>34.232.057</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	14.903.993	511.302	281.274	15.696.569
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	189.524	14.938.475	2.596.464	284.187	18.008.650
Khấu hao trong kỳ	287.964	1.227.583	346.338	13.388	1.875.273
Thanh lý	-	-	(326.029)	-	(326.029)
Phân loại lại	-	1.550	-	(1.550)	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>477.488</u>	<u>16.167.608</u>	<u>2.616.773</u>	<u>296.025</u>	<u>19.557.894</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>5.567.306</u>	<u>2.067.916</u>	<u>2.481.721</u>	<u>130.970</u>	<u>10.247.913</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.699.560</u>	<u>1.389.865</u>	<u>3.558.578</u>	<u>26.160</u>	<u>14.674.163</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Chương trình phần mềm</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2017	<u>48.197.185</u>
Trong đó:	
<i>Đã hao mòn hết</i>	333.210
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	17.783.617
Hao mòn trong kỳ	<u>2.991.498</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>20.775.115</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>30.413.568</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>27.422.070</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đầu tư vào công ty con <i>(Thuyết minh số 11.1)</i>	11.188.437.485	12.563.586.935
Đầu tư vào công ty liên kết <i>(Thuyết minh số 11.2)</i>	<u>286.004.636</u>	<u>286.004.636</u>
TỔNG CỘNG	11.474.442.121	12.849.591.571
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(37.745.048)</u>	<u>(106.429.442)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>11.436.697.073</u>	<u>12.743.162.129</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	100,00	1.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (i)	Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi bò	-	-	-	99,99	1.375.149.450	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.646	-	100,00	943.513.646	-
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	69,50	695.695.000	-	69,50	695.695.000	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	-	99,00	615.584.549	(21.242.922)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Trồng cây công nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,53	394.313.155	-	99,53	394.313.155	(51.239.691)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(37.745.048)	100,00	100.000.000	(33.946.829)
TỔNG CỘNG			11.188.437.485	(37.745.048)		12.563.586.935	(106.429.442)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai ("Mía đường HAGL") và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, công ty con của Mía đường HAGL, cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc dự án mía đường tại Lào cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến giao dịch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Mía đường HAGL đã được hoàn tất.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong Mía đường HAGL ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	214.284.298	56.350.535
Phải trả cho người bán khác	<u>29.916.093</u>	<u>16.107.549</u>
TỔNG CỘNG	<u>244.200.391</u>	<u>72.458.084</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	22.674.625	49.257.238
Chi phí lãi vay	265.125	24.012.500
Khác	22.409.500	25.244.738
Dài hạn	-	62.765.852
Chi phí lãi vay	-	62.765.852
TỔNG CỘNG	22.674.625	112.023.090

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	331.380.171	366.505.359
Lãi vay	296.838.356	360.636.540
Cổ tức phải trả	4.732.440	4.506.440
Phải trả khác	29.809.375	1.362.379
Dài hạn	390.267.967	90.503.476
Lãi vay	390.267.967	90.503.476
TỔNG CỘNG	721.648.138	457.008.835
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	282.606.736	169.092.163
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	155.897.252	83.336.578
<i>Phải trả các bên khác</i>	283.144.150	204.580.094

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	986.494	3.165.834	(502.259)	3.650.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22)	285.831	-	-	285.831
TỔNG CỘNG	1.272.325	3.165.834	(502.259)	3.935.900
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	229.158	475.337	(557.235)	147.260
TỔNG CỘNG	229.158	475.337	(557.235)	147.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	694.357.019	633.368.773
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 16.1)	414.119.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	231.704.413	
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 16.3)	43.358.600	297.091.268
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 16.4)	5.175.006	5.179.552
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 16.5)	-	331.097.953
Dài hạn	7.892.236.290	8.114.175.884
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 16.3)	2.069.321.888	1.817.205.919
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 16.4)	987.694.020	988.331.032
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 16.5)	4.835.220.382	5.308.638.933
TỔNG CỘNG	8.586.593.309	8.747.544.657

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	633.368.773	8.114.175.884
Tiền thu từ đi vay	761.303.189	140.487.000
Tiền trả nợ gốc vay	(446.577.729)	(355.055.253)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.383.302
Phân loại từ gia hạn hợp đồng	(253.732.668)	253.732.668
Cần trừ với khoản phải thu	-	(264.850.298)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	(4.546)	(637.013)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	694.357.019	7.892.236.290

16.1 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết vay ngắn hạn bên liên quan, tín chấp, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Thời hạn thanh toán	Lãi suất
	Ngàn VND		%/ năm
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	414.119.000	22 tháng 6 năm 2018	4,20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
TP Bank Hợp đồng vay số 2104/HĐTD/TPBANK, ngày 21 tháng 4 năm 2017	231.704.413	Không quá 9 tháng, được quy định cụ thể tại mỗi kế ước nhận nợ	- Khi giải ngân bằng VND: lãi suất kỳ đầu tiên 10%, sau đó thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TP Bank cộng biên độ 3,2% năm (2017: 10%/ năm) - Khi giải ngân bằng ngoại tệ, lãi suất TP Bank quy định tại thời điểm giải ngân	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối, thanh long) và mủ cao su	Tài sản của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai và Công ty TNHH Eastern đã đang và sẽ hình thành lần lượt trên đất theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY440746, diện tích 1.804.000 m2 và theo GCN quyền sở hữu đất tồ nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925ha

16.3 Vay dài hạn trái phiếu

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB")	431.000.000	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(12.319.512)	(16.702.813)
TỔNG CỘNG	2.112.680.488	2.114.297.187
Trong đó:		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	43.358.600	297.091.268
Vay dài hạn trái phiếu	2.069.321.888	1.817.205.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.3 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
ESC	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") (*)	1.394.000.000	từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	10,5%/ năm cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB – Chi nhánh Sở Giao dịch công với biên độ 4,5%/năm (2017: 10,8 – 11,6)	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu kèm chứng quyền có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"). Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
IB	VPB	431.000.000	từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	10,5%/năm cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0%/năm (2017: 10,5 – 11,0)	Cơ cấu lại nợ của Công ty	234.484.450 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
Chi phí phát hành		(12.319.512)				
TỔNG CỘNG		2.112.680.488				
Trong đó:						
Vay dài hạn trái phiếu		2.069.321.888				
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		43.358.600				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.3 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VP Bank, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

(**) *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

16.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé	730.414.421	731.055.979
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	992.869.026	993.510.584
<i>Trong đó :</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>987.694.020</i>	<i>988.331.032</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.175.006</i>	<i>5.179.552</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngân VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé</i>					
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	730.414.421	32.077.928	từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2017: 7,05 – 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2017: 9,50 %/ năm và từ 2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Sacombak + (cộng) biên độ 2%/ năm được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	992.869.026				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	987.694.020				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.175.006				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.5 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/ năm</i>
<i>HAG, công ty mẹ (Thuyết minh số 23)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	3.218.877.000	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.189.809.533	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	4,20
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	234.292.849	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	9,30 – 9,75
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013 – Phụ lục 01/2013/HĐV-HAGL-PL1 ngày 1 tháng 6 năm 2016	66.073.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2019	4,20 – 12,00
	4.709.052.382		
<i>Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Thuyết minh số 23)</i>			
Hợp đồng vay số 02/17/TĐHAGL-NNQT ngày 10 tháng 2 năm 2017	126.168.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2020	5,00
	4.835.220.382		
TỔNG CỘNG			
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	4.835.220.382		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	590.000.000	1.062.000.000	-	1.652.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	17.332.456	17.332.456
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>1.202.718.867</u>	<u>9.938.708.627</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	1.291.389.245	10.027.379.005
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	96.759.801	96.759.801
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>1.388.149.046</u>	<u>10.124.138.806</u>

17.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Số lượng	Số lượng
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng hóa

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		Ngàn VND
Doanh thu thuần về bán hàng	505.886.717	39.961.698
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	433.348.265	11.378.250
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	72.538.452	28.583.448

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		Ngàn VND
Lãi tiền cho vay	287.607.942	236.788.324
Cổ tức	-	81.675.000
Khác	181.682	371.908
TỔNG CỘNG	287.789.624	318.835.232

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		Ngàn VND
Chi phí lãi vay	304.956.043	266.161.431
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	45.149.450	-
Chi phí phát hành trái phiếu	4.383.302	2.189.688
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(68.684.394)	14.817.542
Khác	1.673.022	827.020
TỔNG CỘNG	287.477.423	283.995.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng	26.330.087	2.152.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.075.146	1.959.114
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.904.687	-
Chi phí nhân viên	4.692.744	132.126
Khác	657.510	61.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.485.886	12.025.057
Chi phí nhân viên	5.552.051	5.175.038
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.318.348	3.376.284
Khác	3.615.487	3.473.735
TỔNG CỘNG	38.815.973	14.177.512

21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	3.149.646	824.156
Tiền phạt thu được	2.731.738	-
Khác	417.908	824.156
Chi phí khác	1.886.304	8.102.576
Các khoản phạt	109.084	6.327.501
Khác	1.777.220	1.775.075
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	1.263.342	(7.278.420)

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.759.801	17.332.456
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	-	(81.675.000)
Chi phí không được khấu trừ	62.547.159	281.340
Chi phí trích trước, chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	131.937	975.980
Lợi nhuận (lỗ) tính thuế thuần điều chỉnh trước thuế	159.438.897	(63.085.224)
Lỗ năm trước chuyển sang	(159.438.897)	-
Lỗ tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	(63.085.224)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

22.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ chuyển sang từ các năm trước do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai như sau:

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 42.307.494 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 201.746.391 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Ngàn VND				
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
2015	2020	10.097.286 (*)	10.097.286	-	-
2016	2021	191.649.105 (**)	149.341.611	-	42.307.494
TỔNG CỘNG		201.746.391	159.438.897	-	42.307.494

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 42.307.494 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	139.897.373	105.475.818
		Mua hàng hóa	5.414.981	-
		Mua TSCĐ	3.288.251	-
		Bán hàng hóa	105.180	406.540
		Vay và mượn	-	742.391.941
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Bên liên quan	Vay	414.119.000	-
		Chi phí lãi vay	373.175	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	145.844.574	-
		Bán hàng hóa	14.131.977	5.308.080
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	83.682.683	4.362.245
		Bán hàng hóa	6.648.849	4.302.883
		Cho mượn tiền	1.600.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	81.838.407	71.817.958
		Bán hàng hóa	41.698.020	8.212.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	51.270.294	44.275.621
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	48.279.014	41.512.055
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	44.388.634	32.333.003
		Bán hàng hóa	4.160.981	4.725.130
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	32.420.788	10.300.690
		Bán hàng hóa	3.944.601	3.402.925
		Mua hàng hóa	2.309.200	-
		Mua TSCĐ	519.200	-
		Thanh lý TSCĐ	343.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	21.116.667	3.354.167
		Cho vay	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	19.862.830	-
		Bán hàng hóa	1.030.569	2.225.890
		Cổ tức	-	81.675.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay	7.979.779	7.108.446
		Cho mượn tiền	3.254.000	-
		Bán hàng hóa	817.455	-
		Mượn tiền	22.670	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	820	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	26.086.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	20.776.729	14.073.555
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	12.690.032	10.998.540
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	4.503.575	3.198.914
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	1.630.072	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.617.996	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	1.123.729	3.493.144
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	933.526	110.080
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	370.217	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản cố định, hàng hóa	273.725	1.903.798
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	-	9.926.139
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	1.371.575
Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	1.681
			43.919.601	45.077.426
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	95.710.490	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	43.375.030	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	25.258.504	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	24.881.866	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	15.041.320	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	14.151.875	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	8.757.958	3.156.868
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	5.078.070	358.367
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	4.799.516	-
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	3.612.096	-
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	366.635	290.189
			241.033.360	3.805.424
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	5.159.097	40.896.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	-	242.000.002
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	-	130.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	-	120.872.953
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	-	45.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho vay	-	33.000.000
			305.159.097	611.768.955

(*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 6 năm 2018 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	409.394.215 286.636	798.812.037 413.519
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức phải thu	81.675.000	81.675.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	42.104.167	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cổ tức phải thu Chi hộ Lãi cho vay	19.507.500 6.391.704 -	19.507.500 6.391.705 319.096.868
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay	7.212.880 -	7.212.880 362.314.788
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay	5.406.428 -	5.406.428 255.497.231
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cán trừ công nợ	2.941.301	2.941.301
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	2.815.000 -	- 47.736.855
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi hộ Cho mượn tiền	2.065.085 140.000	2.065.085 -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Chi hộ	1.600.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn tiền	375.000	-
Chi nhánh Chế biến hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn tiền	50.000	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	6.356.047
			581.964.916	1.915.427.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.638.077.510	1.455.792.165
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593	520.449.591
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354	535.351.402
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.474.043	451.064.043
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	535.998.617	490.998.617
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	128.221.602	95.221.602
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000	4.466.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	-	300.000.000
			4.590.311.719	3.853.343.420
Phải thu dài hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	324.066.230	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	209.075.503	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	193.471.492	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	129.639.537	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	55.716.634	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	31.487.355	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	451.314	136.957
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	20.987.500
			943.908.065	21.124.457

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 6 năm 2023 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	126.886.212	3.195.942
Công ty Cổ Phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	39.971.531	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	35.495.190	5.367.889
Chi nhánh Nguyên Vật Liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	5.105.875	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	4.954.319	2.674.574
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	991.617	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua vật tư	469.200	25.674.802
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	310.238	-
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua Tài sản cố định	74.500	-
Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	13.166	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	12.450	3.124
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua khoản đầu tư	-	12.828.645
		Mua vật tư	-	6.605.559
			214.284.298	56.350.535
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	51.927.832	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Tạm ứng mua vật tư	11.723.230	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	6.242.196	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua vật tư	1.173.915	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	1.060.213	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	634.275	-
Công ty Cổ Phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	504.600	-
			73.266.261	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	249.156.284	168.133.553
		Thu hộ	2.494.325	958.610
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	22.670.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	5.950.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi vay	2.336.127	-
			282.606.736	169.092.163
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	155.897.252	83.336.578
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)				
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	414.119.000	-
Vay dài hạn (Thuyết minh số 16.5)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	4.709.052.382	5.639.736.886
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Vay dài hạn	126.168.000	-
			4.835.220.382	5.639.736.886

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	1.695.000	1.362.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và hoán đổi nghĩa vụ trả nợ với HAG và các cá nhân (hiện là trái chủ của các trái phiếu với tổng trị giá 697 tỷ VND của HAG). Theo đó, số dư nợ vay phải trả cho HAG tương ứng với Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ giảm đi một số tiền trị giá 697 tỷ VND, để chuyển đổi đối tượng chủ nợ vay sang các cá nhân trên.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để phát hành cổ phiếu phổ thông nhằm thanh toán khoản dư nợ trị giá 697 tỷ VND với các cá nhân trên.

Ngoài các sự kiện được nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc bổ sung trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017